

Số: 622/QĐ-VTCB

Cửa Ông, ngày 20 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Sửa chữa TĐT 04 sà lan số đăng ký:
QN-6540; QN-6602; QN-6603; QN-7461**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Căn cứ Quyết định số 576/QĐ-VTCB ngày 28/5/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-VTCB ngày 29/10/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy Định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc;

Căn cứ Tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa TĐT 04 sà lan số đăng ký: QN-6540; QN-6602; QN-6603; QN-7461 ngày 19/11/2025 của Phòng Cơ điện, vận tải, vật tư;

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa TĐT 04 sà lan số đăng ký: QN-6540; QN-6602; QN-6603; QN-7461 ngày 20/11/2025 của Tổ thẩm định;

Xét đề nghị của Phòng Cơ điện, vận tải, vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa TĐT 04 sà lan số đăng ký: QN-6540; QN-6602; QN-6603; QN-7461 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên nhà thầu trúng thầu: Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Và Cơ Khí Việt Hùng.
2. Tên gói thầu: Sửa chữa TĐT 04 sà lan số đăng ký: QN-6540; QN-6602; QN-6603; QN-7461.
3. Địa điểm sửa chữa: tại xưởng đơn vị trúng thầu.
4. Giá trị trúng thầu: 2.327.962.272 đồng (Đã bao gồm thuế GTGT).

(Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

5. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 35 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bàn giao thiết bị vào xưởng.

Điều 2. Giao cho Phòng Cơ điện, vận tải, vật tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu, tổ chức hoàn thiện và ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu theo đúng quy định.

Điều 3. Phòng Cơ điện vận tải vật tư và các phòng chức năng có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị;
- Chỉ huy Công ty;
- Như Điều 3;
- Lưu: CDVT. M06.



Phương Kim Mừng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 622/QĐ-VTCB, ngày 20 tháng 11 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Sà lan số đăng ký: QN-6540				537.937.083
I	Vật tư kim khí thay thế				77.495.312
1	Tôn tấm 6 ly	Kg	3.454,82	16.000	55.277.125
2	Tôn tấm 8 ly	Kg	1.022,21	16.000	16.355.290
3	Sắt tròn đặc Ø8	Kg	9,08	22.000	199.798
4	Sắt tròn đặc Ø16	Kg	48,21	22.000	1.060.578
5	Sắt tròn đặc Ø34	Kg	13,09	22.000	287.995
6	Sắt tròn đặc Ø42	Kg	19,98	22.000	439.465
7	Sắt tròn đặc Ø60	Kg	108,69	22.000	2.391.206
8	Ống thép đen Ø89x10	Kg	19,86	23.000	456.837
9	Thép hình L75x75x8	Kg	58,69	17.500	1.027.018
II	Vật tư gia công sẵn				23.930.000
1	Nắp + cổ hầm	Bộ	7,0	2.700.000	18.900.000
2	Bản lề nắp hầm	Bộ	10,0	65.000	650.000
3	Bản lề cửa nhà ở	Bộ	12,0	60.000	720.000
4	Bu lông tai hồng	Bộ	6,0	120.000	720.000
5	Khuy treo lốp	Cái	6,0	90.000	540.000
6	Số VR Đăng kiểm	Số	24,0	40.000	960.000
7	Cút cong Ø76	Chiếc	16,0	90.000	1.440.000
III	Chi phí nhân công + Quản lý + Vật tư phụ trợ				122.170.971
1	Nhân công, vật tư phụ ngoài kim khí	Kg	1.646,91	21.500	35.408.471
2	Tấm lợp là ốp boong, bao gồm nhân công vật tư phụ, điện năng, quản lý thiết bị	m	431,25	178.000	76.762.500

3	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ sửa chữa	P/t	1,0	7.500.000	7.500.000
4	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	2.500.000	2.500.000
IV	Vật tư, nhân công phần làm sạch, sơn				314.340.800
A	Vật tư sơn				159.490.800
1	Sơn chống rỉ hai thành phần nâu đỏ (Sigmacover 280 RedBown 6137)	Lít	360,0	134.640	48.470.400
2	Sơn chống rỉ hai thành phần màu ghi (Sigmacover 280 Grey 5177)	Lít	160,0	134.640	21.542.400
3	Sơn trung gian hai thành phần (Sigmacover 555 Black 8000)	Lít	100,0	162.000	16.200.000
4	Sơn chống hà (Sigmacofleet 290S RedBown 2008)	Lít	100,0	432.000	43.200.000
5	Sơn phủ xanh lá hai thành phần (Sigmadur 550 Green 4199)	Lít	90,0	176.400	15.876.000
6	Sơn phủ, nâu đỏ hai thành phần (Sigmadur 550 RedBown 6179)	Lít	60,0	176.400	10.584.000
7	Dung môi pha sơn hai thành phần (Thinner 91-92)	Lít	40,0	74.250	2.970.000
8	Dung môi pha sơn một thành phần (Thinner 21-06)	Lít	8,7	74.250	648.000
B	Nhân công				154.850.000
1	Phun cát, phun sơn từ 02 đến 03 nước	m ²	1.465,0	90.000	131.850.000
2	Cạo gỗ, doa chải trong hầm khoang hàng, kết nước mũi, kết nước lái (khoán gọn)	P/t	1,0	23.000.000	23.000.000
	Sà lan số đăng ký: QN-6602				537.408.668
I	Vật tư kim khí thay thế				75.113.055
1	Tôn tấm 6 ly	Kg	4.220,13	16.000	67.522.070
2	Sắt tròn đặc Ø8	Kg	13,63	22.000	299.928
3	Sắt tròn đặc Ø16	Kg	48,35	22.000	1.063.656
4	Sắt tròn đặc Ø34	Kg	13,09	22.000	287.995
5	Sắt tròn đặc Ø42	Kg	19,98	22.000	439.465
6	Sắt tròn đặc Ø60	Kg	45,29	22.000	996.336
7	Ống thép đen Ø89x10	Kg	95,34	23.000	2.192.816

8	Thép hình L75x75x8	Kg	132,05	17.500	2.310.790
II	Vật tư gia công sẵn				26.920.000
1	Nắp + cổ hầm	Bộ	8,0	2.700.000	21.600.000
2	Bản lề nắp hầm	Bộ	8,0	65.000	520.000
3	Bản lề cửa nhà ở	Bộ	10,0	60.000	600.000
4	Bu lông tai hồng	Bộ	6,0	120.000	720.000
5	Khuy treo lớp	Cái	8,0	90.000	720.000
6	Số VR Đăng kiểm	Số	24,0	40.000	960.000
7	Cút cong Ø76	Chiếc	20,0	90.000	1.800.000
III	Chi phí nhân công + Quản lý + Vật tư phụ trợ				121.034.812
1	Nhân công, vật tư ngoài kim khí	Kg	714,82	21.500	15.368.712
2	Tấm lập là ốp boong, bao gồm nhân công vật tư phụ, điện năng, quản lý thiết bị	m	537,45	178.000	95.666.100
3	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ sửa chữa	P/t	1,0	7.500.000	7.500.000
4	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	2.500.000	2.500.000
IV	Vật tư, nhân công phần làm sạch, sơn				314.340.800
A	Vật tư sơn				159.490.800
1	Sơn chống rỉ hai thành phần nâu đỏ (Sigmacover 280 RedBown 6137)	Lít	360,0	134.640	48.470.400
2	Sơn chống rỉ hai thành phần màu ghi (Sigmacover 280 Grey 5177)	Lít	160,0	134.640	21.542.400
3	Sơn trung gian hai thành phần (Sigmacover 555 Black 8000)	Lít	100,0	162.000	16.200.000
4	Sơn chống hà (Sigmacofleet 290S RedBown 2008)	Lít	100,0	432.000	43.200.000
5	Sơn phủ xanh lá hai thành phần (Sigmadur 550 Green 4199)	Lít	90,0	176.400	15.876.000
6	Sơn phủ, nâu đỏ hai thành phần (Sigmadur 550 RedBown 6179)	Lít	60,0	176.400	10.584.000
7	Dung môi pha sơn hai thành phần (Thinner 91-92)	Lít	40,0	74.250	2.970.000
8	Dung môi pha sơn một thành phần (Thinner 21-06)	Lít	8,7	74.250	648.000

B	Nhân công				154.850.000
1	Phun cát, phun sơn từ 02 đến 03 nước	m ²	1.465,0	90.000	131.850.000
2	Cạo gỗ, doa chải trong hầm khoang hàng, kết nước mũi , kết nước lái (khoán gọn)	P/t	1,0	23.000.000	23.000.000
	Sà lan số đăng ký: QN-6603				538.856.995
I	Vật tư kim khí thay thế				77.273.640
1	Tôn tấm 6 ly	Kg	4.299,28	16.000	68.788.457
2	Sắt tròn đặc Ø8	Kg	11,54	22.000	253.777
3	Sắt tròn đặc Ø16	Kg	48,35	22.000	1.063.656
4	Sắt tròn đặc Ø34	Kg	13,09	22.000	287.995
5	Sắt tròn đặc Ø42	Kg	19,98	22.000	439.465
6	Sắt tròn đặc Ø60	Kg	108,69	22.000	2.391.206
7	Ống thép đen Ø89x10	Kg	47,67	23.000	1.096.408
8	Thép hình L75x75x8	Kg	168,72	17.500	2.952.676
II	Vật tư gia công sẵn				22.060.000
1	Nắp + cổ hầm	Bộ	7,0	2.700.000	18.900.000
2	Bản lề cửa nhà ở	Bộ	8,0	60.000	480.000
3	Bu lông tai hồng	Bộ	5,0	120.000	600.000
4	Khuy treo lốp	Cái	6,0	90.000	540.000
5	Số VR Đăng kiểm	Số	16,0	40.000	640.000
6	Cút cong Ø76	Chiếc	10,0	90.000	900.000
III	Chi phí nhân công + Quản lý + Vật tư phụ trợ				125.182.555
1	Nhân công, vật tư ngoài kim khí	Kg	418,04	21.500	8.987.755
2	Tấm lập là ốp boong, bao gồm nhân công vật tư phụ, điện năng, quản lý thiết bị	m	596,60	178.000	106.194.800
3	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ sửa chữa	P/t	1,0	7.500.000	7.500.000
4	Sơn kẻ thước mớn nước, số đăng	P/t	1,0	2.500.000	2.500.000

	ký, đăng kiểm				
IV	Vật tư, nhân công phần làm sạch, sơn				314.340.800
A	Vật tư sơn				159.490.800
1	Sơn chống rỉ hai thành phần nâu đỏ (Sigmacover 280 RedBown 6137)	Lít	360,0	134.640	48.470.400
2	Sơn chống rỉ hai thành phần màu ghi (Sigmacover 280 Grey 5177)	Lít	160,0	134.640	21.542.400
3	Sơn trung gian hai thành phần (Sigmacover 555 Black 8000)	Lít	100,0	162.000	16.200.000
4	Sơn chống hà (Sigmacofleet 290S RedBown 2008)	Lít	100,0	432.000	43.200.000
5	Sơn phủ xanh lá hai thành phần (Sigmadur 550 Green 4199)	Lít	90,0	176.400	15.876.000
6	Sơn phủ, nâu đỏ hai thành phần (Sigmadur 550 RedBown 6179)	Lít	60,0	176.400	10.584.000
7	Dung môi pha sơn hai thành phần (Thinner 91-92)	Lít	40,0	74.250	2.970.000
8	Dung môi pha sơn một thành phần (Thinner 21-06)	Lít	8,7	74.250	648.000
B	Nhân công				154.850.000
1	Phun cát, phun sơn từ 02 đến 03 nước	m ²	1.465,0	90.000	131.850.000
2	Cạo gỗ, doa chải trong hầm khoang hàng, kết nước mũi , kết nước lái (khoán gọn)	P/t	1,0	23.000.000	23.000.000
	Sà lan số đăng ký: QN-7461				541.317.876
I	Vật tư kim khí thay thế				79.977.363
1	Tôn tấm 6 ly	Kg	4.616,84	16.000	73.869.379
2	Sắt tròn đặc Ø8	Kg	10,76	22.000	236.810
3	Sắt tròn đặc Ø16	Kg	48,35	22.000	1.063.656
4	Sắt tròn đặc Ø34	Kg	13,09	22.000	287.995
5	Sắt tròn đặc Ø42	Kg	19,98	22.000	439.465
6	Sắt tròn đặc Ø60	Kg	108,69	22.000	2.391.206
7	Ống thép đen Ø89x10	Kg	35,75	23.000	822.306
8	Thép hình L75x75x8	Kg	49,52	17.500	866.546

II	Vật tư gia công sẵn				17.920.000
1	Nắp + cổ hầm	Bộ	5,0	2.700.000	13.500.000
2	Bản lề nắp hầm	Bộ	8,0	65.000	520.000
3	Bản lề cửa nhà ở	Bộ	6,0	60.000	360.000
4	Bu lông tai hồng	Bộ	8,0	120.000	960.000
5	Khuy treo lớp	Cái	6,0	90.000	540.000
6	Số VR Đăng kiểm	Số	24,0	40.000	960.000
7	Cút cong Ø76	Chiếc	12,0	90.000	1.080.000
III	Chi phí nhân công + Quản lý + Vật tư phụ trợ				129.079.712
1	Nhân công, vật tư ngoài kim khí	Kg	633,24	21.500	13.614.712
2	Tấm lập là ốp boong, bao gồm nhân công vật tư phụ, điện năng, quản lý thiết bị	m	592,50	178.000	105.465.000
3	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ sửa chữa	P/t	1,0	7.500.000	7.500.000
4	Sơn kê thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	2.500.000	2.500.000
IV	Vật tư, nhân công phần làm sạch, sơn				314.340.800
A	Vật tư sơn				159.490.800
1	Sơn chống rỉ hai thành phần nâu đỏ (Sigmacover 280 RedBown 6137)	Lít	360,0	134.640	48.470.400
2	Sơn chống rỉ hai thành phần màu ghi (Sigmacover 280 Grey 5177)	Lít	160,0	134.640	21.542.400
3	Sơn trung gian hai thành phần (Sigmacover 555 Black 8000)	Lít	100,0	162.000	16.200.000
4	Sơn chống hà (Sigmacofleet 290S RedBown 2008)	Lít	100,0	432.000	43.200.000
5	Sơn phủ xanh lá hai thành phần (Sigmadur 550 Green 4199)	Lít	90,0	176.400	15.876.000
6	Sơn phủ, nâu đỏ hai thành phần (Sigmadur 550 RedBown 6179)	Lít	60,0	176.400	10.584.000
7	Dung môi pha sơn hai thành phần (Thinner 91-92)	Lít	40,0	74.250	2.970.000
8	Dung môi pha sơn một thành phần (Thinner 21-06)	Lít	8,7	74.250	648.000
B	Nhân công				154.850.000

1	Phun cát, phun sơn từ 02 đến 03 nước	m ²	1.465,0	90.000	131.850.000
2	Cạo gỗ, doa chải trong hầm khoang hàng, két nước mũi , két nước lái (khoán gọn)	P/t	1,0	23.000.000	23.000.000
	Giá trước thuế:				2.155.520.622
	Thuế GTGT 8%:				172.441.650
	Thành tiền:				2.327.962.272

(Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu chín trăm sáu **mười** hai nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

Số: 623/TB-VTCB

Cửa Ông, ngày 20 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

**Gói thầu: Sửa chữa TĐT 04 sà lan số đăng ký:
QN-6540; QN-6602; QN-6603; QN-7461**

Kính gửi: Các Nhà thầu.

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc xin trân trọng cảm ơn các Nhà thầu đã quan tâm và tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu: Sửa chữa TĐT 04 sà lan số đăng ký: QN-6540; QN-6602; QN-6603; QN-7461.

Ngày 20/11/2025 Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc đã ban hành quyết định số: 622/QĐ-VTCB về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa TĐT 04 sà lan số đăng ký: QN-6540; QN-6602; QN-6603; QN-7461.

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc xin thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

1. Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu: Sửa chữa TĐT 04 sà lan số đăng ký: QN-6540; QN-6602; QN-6603; QN-7461.
- Giá gói thầu: 2.361.371.949 đồng.
- Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bàn giao thiết bị vào xưởng.

2. Nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu: Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Và Cơ Khí Việt Hùng.
- Giá dự thầu: 2.327.962.272 đồng (Đã bao gồm thuế GTGT).
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 35 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bàn giao thiết bị vào xưởng.

3. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn trúng thầu:

a. Công Ty TNHH Cơ khí thủy bộ Đại Dương.

- Lý do không trúng thầu: Tổng giá dự thầu cao thứ 02 trong 03 nhà thầu.

b. Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải Hưng.

- Lý do không trúng thầu: Tổng giá dự thầu cao thứ 03 trong 03 nhà thầu.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn./. 

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị;
- Chỉ huy Công ty;
- Lưu: CĐVT. M03.

GIÁM ĐỐC



Phương Kim Mừng